

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN - LẦN 1
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tài chính doanh nghiệp		
Mã học phần:	71FINN30013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71FINN30013_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Giải thích các quyết định tài chính doanh nghiệp dựa trên các chỉ số tài chính cơ bản	Trắc nghiệm	20%	1,2,3,4		PI 2.1 (I)
CLO2	Tính toán được thời giá tiền tệ, lãi suất, chi phí sử dụng vốn, các chỉ tiêu thẩm định hiệu quả tài chính của dự án để ra quyết định đầu tư.	Trắc nghiệm	30%	5,6,7,8 9,10		PI 3.3 (R)
CLO3	Vận dụng kỹ năng phân tích để lựa chọn các chỉ tiêu tài chính phù hợp trong việc ra quyết định tài chính; để đánh giá mức sinh lời, chi phí sử dụng vốn trong thẩm định tài chính của dự án đầu tư	Trắc nghiệm Tự luận	20%	11,12 13,14		PI 4.1 (R)
CLO5	Rèn luyện thói quen học tập chủ động (tự học, trao đổi ý kiến trong quá trình học tập), ý thức về công việc tài chính trong doanh nghiệp	Tự luận	30%	15,16,17 18,19,20		PI 10.1, (R)

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (17 câu + 0,5 điểm/câu hỏi)

Câu 1:

Doanh nghiệp đang xem xét nên huy động vốn từ việc phát hành cổ phiếu hay trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà xưởng mở rộng sản xuất kinh doanh. Hoạt động huy động vốn từ việc phát hành cổ phiếu hay trái phiếu là liên quan quyết định nào?

- A. Tài trợ
- B. Đầu tư
- C. Quản lý vốn lưu động
- D. Quản lý vốn dài hạn

ANSWER: A

Câu 2:

Vòng quay khoản phải thu được đánh giá:

- A. Cao hơn kỳ trước là tốt.
- B. Thấp hơn kỳ trước là tốt.
- C. Cao hơn kỳ trước là không tốt.
- D. Luôn biến động cùng chiều với vòng quay hàng tồn kho.

ANSWER: A

Câu 3:

Với mức sinh lời đòi hỏi là 15%/năm khi đầu tư vào cổ phiếu công ty X, nhà đầu tư định giá cổ phiếu này ở hiện tại là 25.000 đồng. Giá thị trường cổ phiếu này là 25.000 đồng. Vậy nhà đầu tư có nên mua cổ phiếu này không? Mức sinh lời kỳ vọng từ cổ phiếu này khi mua là bao nhiêu ?

- A. Mua cổ phiếu, mức sinh lời kỳ vọng là 15%/năm
- B. Mua cổ phiếu, mức sinh lời kỳ vọng cao hơn 15%/năm
- C. Mua cổ phiếu, mức sinh lời kỳ vọng thấp hơn 15%/năm
- D. Không nên mua cổ phiếu này vì không thỏa mãn yêu cầu của nhà đầu tư

ANSWER: A

Câu 4:

Đối với một công ty có cấu trúc vốn mục tiêu yêu cầu 50% nợ và 50% vốn cổ phần thường thì tuyên bố nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường lớn hơn chi phí sử dụng nợ.
- B. WACC được tính toán trên cơ sở trước thuế.
- C. WACC cao hơn chi phí sử dụng vốn cổ phần thường.
- D. Chi phí sử dụng vốn lợi nhuận giữ lại thường cao hơn chi phí sử dụng vốn của cổ phiếu thường mới phát hành

ANSWER: A

Câu 5:

Có 10 khoản tiền đều 25 triệu đồng đầu tư liên tục trong 10 kỳ liên tục. Hoạt động đầu tư này có mức sinh lời 5%/kỳ. Hỏi sau 10 kỳ đầu tư kể từ lần bỏ vốn đầu tiên, nhà đầu tư nhận được một lần cả gốc lẫn lãi với số tiền là bao nhiêu?

- A. 330,17 triệu đồng
- B. 314,45 triệu đồng
- C. 303,17 triệu đồng
- D. 341,45 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 6:

Nhà đầu tư bỏ vốn ra ban đầu là 500 triệu đồng. Sau 2 năm, nhà đầu tư bỏ sung thêm 200 triệu đồng. Sau 6 năm đầu tư, nhà đầu tư nhận được 1 lần là 1.200 triệu đồng. Hỏi nhà đầu tư đạt được mức sinh lời bao nhiêu %/năm từ hoạt động đầu tư này?

- A. 10,36 %/năm
- B. 9,40 %/năm
- C. 12,25%/năm
- D. 10,63%/năm

ANSWER: A

Câu 7:

Công ty Lạc Hồng có số liệu sau:

- Vòng quay tổng tài sản = 0,8 vòng
- Doanh thu trong năm: 6.000 triệu đồng
- Lãi ròng trong năm: 450 triệu đồng
- Công ty sử dụng 60% nợ.

Hãy xác định **mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)** công ty Lạc Hồng?

- A. 15 %
- B. 16 %
- C. 14 %
- D. 12 %

ANSWER: A

Câu 8:

Cho dữ liệu sau trong năm 2023:

EBIT = 50 tỷ đồng

Khấu hao trong kỳ = 15 tỷ đồng

Nhu cầu vốn cần tài trợ = 10 tỷ đồng

Thuế suất thuế thu nhập = 20%

Yêu cầu: Xác định **dòng tiền tự do (FCF)** của doanh nghiệp năm 2023 là bao nhiêu ?

- A. 45 tỷ đồng
- B. 40 tỷ đồng
- C. 55 tỷ đồng
- D. 50 tỷ đồng

ANSWER: A

Câu 9:

Năm nay, công ty huy động vốn cho nhu cầu đầu tư tài sản với thông tin sau:

- 3 tỷ đồng từ vay nợ, chi phí sử dụng nợ trước thuế 12%
- 2 tỷ đồng từ phát hành cổ phần ưu đãi, chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi 15%
- 5 tỷ đồng từ phát hành cổ phần thường, chi phí sử dụng vốn cổ phần thường 20%

Biết thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, tính chi phí sử dụng vốn bình quân của công ty.

- A. 15,88%
- B. 16,60%
- C. 15,48%
- D. 16,24%

ANSWER: A

Câu 10:

Năm nay, công ty HK huy động vốn từ việc phát hành cổ phần thường mới với thông tin sau:

- Giá bán cổ phần thường mới là 55.400 đồng
- Chi phí phát hành cổ phần thường mới là 2.000 đồng/CP
- Cổ tức được chia năm nay là 2.500 đồng
- Cổ tức tăng trưởng 20% trong 2 năm tiếp theo, sau đó tăng trưởng đều ở mức 12%/năm

Vậy chi phí sử dụng **vốn cổ phần thường mới phát hành** của công ty HK trong năm nay là bao nhiêu?

- A. 17,5 %
- B. 18,0 %
- C. 18,5 %
- D. 17,0 %

ANSWER: A

Câu 11:

Năm nay công ty có 4 dự án độc lập nhau với rủi ro gần tương đồng nhau. Chi phí sử dụng vốn đầu tư vào các dự án này là 12,5%/năm. Công ty đủ vốn để đầu tư tất cả các dự án.

Dự án	A	B	C	D
Mức sinh lời	10%	12%	13%	15%

Vậy công ty nên chọn đầu tư vào dự án nào cho năm nay?

- A. Dự án C và dự án D
- B. Dự án A và dự án D
- C. Dự án B và dự án C
- D. Dự án B và dự án D

ANSWER: A

Câu 12:

Phát biểu nào dưới đây **là đúng?**

- A. Mức sinh lời đòi hỏi của người tài trợ vốn cũng chính là mức chi phí sử dụng vốn của người sử dụng vốn.
 - B. Chi phí sử dụng vốn không phụ thuộc vào cấu trúc vốn.
 - C. Thuế suất thuế thu nhập giảm thì chi phí sử dụng vốn trung bình cho cả nguồn vốn huy động giảm theo
 - D. Chi phí sử dụng nợ luôn cao hơn chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu vì nợ rủi ro nhiều hơn
- ANSWER: A

Câu 13:

Thành phần nào dưới đây không phải là nguồn vốn dài hạn mà doanh nghiệp huy động để đáp ứng cho nhu cầu đầu tư mới?

- A. Trì hoãn nộp thuế cho nhà nước.
- B. Phát hành trái phiếu.
- C. Lợi nhuận để lại.
- D. Phát hành cổ phần thường mới.

ANSWER: A

Câu 14:

Với dòng tiền ước tính của dự án, nếu suất chiết khấu dự án (hay chi phí sử dụng vốn) giảm thì:

- A. NPV sẽ tăng.
- B. NPV sẽ giảm.
- C. NPV không biến động.
- D. Không có đủ cơ sở để nhận định.

ANSWER: A

Câu 15:

Một dự án đầu tư vào thời điểm đầu năm thứ nhất có các phát sinh sau:

- Đầu tư tài sản cố định 1.500 triệu đồng.
- Đầu tư cho tài sản ngắn hạn (vật tư, hàng hóa tồn kho, tài trợ bán chịu,...) là 600 triệu đồng.
- Các khoản phải trả dự kiến phát sinh tăng thêm là 200 triệu đồng

Yêu cầu: Xác định số vốn đầu tư ghi nhận vào dòng chi của dự án vào đầu năm thứ nhất?

- A. 1.900 triệu đồng
- B. 2.100 triệu đồng
- C. 1.700 triệu đồng
- D. 2.300 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 16:

Cho dự án đầu tư với thông tin sau: (Đơn vị tính: triệu đồng)

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Vốn đầu	750			200		

Thu nhập		250	250	300	300	300
-----------------	--	-----	-----	-----	-----	-----

Yêu cầu: Tính thời gian hoàn vốn không chiết khấu (PP) của dự án.

- A. 3 năm 6 tháng
- B. 3 năm 9 tháng
- C. 2 năm 8 tháng
- D. 3 năm 3 tháng

ANSWER: A

Câu 17:

Một bất động sản đang xem xét để đầu tư có thông tin sau: bất động sản này có giá trị ước tính sau 2 năm nữa là có thể bán lại với giá 1.800 triệu đồng. Nếu đầu tư vào bất động sản này thì nhà đầu tư yêu cầu mức sinh lời tối thiểu là 15,5%/năm. Vậy nhà đầu tư có thể mua được bất động sản này với mức giá tối đa là bao nhiêu ?

- A. 1.349,30 triệu đồng
- B. 1.394,30 triệu đồng
- C. 1.439,30 triệu đồng
- D. 1.493,30 triệu đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)

Câu 18: (0,5 điểm)

Khi huy động vốn từ vay nợ càng nhiều thì chi phí sử dụng nợ có xu hướng thay đổi như thế nào? Giải thích tại sao như vậy?

Câu 19: (0,5 điểm)

Đề xuất nào giúp nhà đầu tư giảm thiểu được rủi ro mang tính hệ thống ? Tại sao đề xuất đó là hợp lý ?

Câu 20: (0,5 điểm)

Doanh nghiệp MM đang xem xét đầu tư vào 2 dự án sau:

- Đầu tư vào dây chuyền sản xuất gạch chịu nhiệt theo công nghệ của Hàn Quốc
- Đầu tư vào dây chuyền sản xuất gạch chịu nhiệt theo công nghệ của Trung Quốc

Cả hai dự án này đều sử dụng chung 1 suất chiết khấu và cho giá trị NPV dương. Trong đó, dự án đầu tư vào dây chuyền sản xuất gạch chịu nhiệt theo công nghệ của Trung Quốc cho giá trị NPV lớn hơn. Hiện tại công ty có thể huy động đủ vốn cho cả 2 dự án đầu tư, vậy công ty nên đầu tư vào dây chuyền nào? Tại sao?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8,5	
Câu 1– 17	ANSWER: A	0,5	
II. Tự luận		1,5	
Câu 1:	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời: Khi huy động vốn từ vay nợ càng nhiều thì chi phí sử dụng nợ có xu hướng tăng lên. - Giải thích: Khi chủ nợ phải tài trợ nhiều hơn cho nguồn vốn huy động thì rủi ro chủ nợ gia tăng do tỷ số nợ cao. Vì vậy các chủ nợ sẽ yêu cầu mức lãi suất cao hơn khi tài trợ cho những khoản vay mới gia tăng. Từ đó, chi phí sử dụng nợ vay tăng lên theo nhu cầu vốn huy động tăng lên. 	0,3 0,2	
Câu 2:	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời: Nhà đầu tư nên chọn đầu tư vào các kênh khác như đầu tư vàng, đầu tư ngoại tệ mạnh để giảm thiểu rủi ro mang tính hệ thống - Giải thích: Rủi ro hệ thống xảy ra thì cả nền kinh tế bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, với vàng và ngoại tệ mạnh, chúng vẫn đảm bảo được giá trị trên thị trường quốc tế. 	0,3 0,2	
Câu 3:	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Hai dự án trên là cùng 1 mục tiêu sản xuất gạch chịu nhiệt nên chúng là 2 dự án loại trừ. - Trả lời: Vậy sẽ chọn dự án đầu tư vào dây chuyền sản xuất gạch chịu nhiệt theo công nghệ của Trung Quốc vì có NPV dương lớn hơn. 	0,2 0,3	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




TS. Phạm Thị Hồng Vân

TS. Phạm Thị Hồng Vân